TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2024/DS-PT
Ngày: 24-6-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Phượng

Ông Đặng Văn Những

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 151/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Hồng D, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Trần Phan Hạnh D1, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 8 năm 2023 của nguyên đơn trình bày như sau:

Bà M cho bà Hồng D mượn tiền, vàng như sau:

Ngày 09/5/2022, hai bên chốt nợ 5.400.000 đồng và bà M tiếp tục cho bà Hồng D mượn 30.000.000 đồng, lãi suất tính 3.000đồng/1.000.000 đồng/1 ngày.

Ngày 20/5/2022, bà Hồng D mượn dây chuyền vàng 18k của Trần Nguyễn Phương L (là con bà M), bà M cầm tại tiệm V (ghi tên Hồng D) 14.000.000 đồng, bà Hồng D đã đưa tiền cho bà M đóng tiền lãi tại tiệm vàng 02 tháng là 840.000 đồng (lãi suất cầm vàng là 3% mỗi tháng).

Ngày 21/5/2022, bà Hồng D mượn chiếc lắc vàng 24k của Trần Nguyễn Phương L (là con bà M), bà M cầm tại tiệm V (ghi tên Hồng D) 20.000.000 đồng. Bà M đưa cho bà Hồng D 15.000.000 đồng. Bà Hồng D đã đưa tiền cho bà M đi đóng tiền lãi cho tiệm vàng 02 tháng là 1.200.000 đồng (lãi suất cầm vàng là 3% mỗi tháng).

Ngày 22/5/2022, bà Hồng D ở sòng bài Tho Mo điện thoại về cho bà M đưa cho bà Ngọc D2 3.000.000 đồng để đưa lên T cho bà Hồng D.

Bà M trả cho tiệm Đ 2.000.000 đồng vì bà Hồng D mua điện thoại còn nợ lại 2.000.000 đồng.

Ngày 27/5/2022, bà Hồng D nhờ bà M qua nhà bà Hạnh D1 mượn 10.000.000 đồng, tiền lãi trả là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Ngày 30/6/2022 bà Hồng D mượn 10.000.000 đồng.

Bà Hồng D nhiều lần đến nhờ bà M mượn tiền, đến ngày 03/7/2022, hai bên chốt lại tiền nợ là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 3000 đồng/1.000.000 đồng/ngày.

Bà M trả cho bà L (tiệm điện thoại Minh T) 2.000.000 đồng, đây là số tiền nợ của bà Hồng D và bà L.

Bà M trả cho bà L1 800.000 đồng, đây là tiền bà Hồng D nợ bà L1 (là người giúp việc cho Hồng D). Ngoài ra, bà M đi chuộc bông tai bà Hồng D và tiền làm móng, gội đầu 200.000 đồng, tổng cộng là 1.000.000 đồng.

Bà Hồng D nhờ bà M trả cho ông S 1.500.000 đồng, tiền đổi gas, hàn 02 chân để bếp ga, mua 01 bếp khò, trả cho bà Bảy L2 500.000 đồng mua nồi và bọc mủ, tô mũ, đồ nêm và mua 01 bếp ga đôi là 400.000 đồng.

Bà M có lãnh nợ cho bà Hồng D số tiền là 10.000.000 đồng, gồm tiền bàn ghế, đồ nghề bán phở cho bà Hồng D.

Ngoài ra, ông S1 thuê trọ của bà M có gửi bà Hạnh D1 02 triệu đóng tiền phòng cho bà M nhưng bà Hồng D đã lấy số tiền này. Sau đó, ông Nguyễn Hoàng S2 lên nhà bà Hạnh D1 lấy lại 2.000.000 đồng nhưng bà Hạnh D1 không trả lại và giải thích là đã đưa 2.000.000 đồng đó cho bà Hồng D rồi.

Ngày 10/5/2022, bà Hồng D có nhờ bà M tham gia 01 phần hụi do bà K làm chủ mệnh giá 5.000.000 đồng/tháng, bà Hồng D đã góp được 02 lần, vào ngày 10/5/2022 số tiền 4.000.000 đồng, ngày 10/6/2022 số tiền 4.200.000 đồng.

Ngày 03/6/2022, bà M cho bà Hồng D mượn 5.000.000 đồng, trừ bà Hồng D trả tiền mua vé tàu xe đi P cho bà M là 3.000.000 đồng nên bà Hồng D còn nợ bà M 2.000.000 đồng. Bà Hồng D thuê nhà trọ của bà M cho bà L1 (là người giúp việc) ở, bà Hồng D nói để bà Hồng D tính tiền chứ không lấy tiền của bà L1 nên bà Hồng D nợ bà M 1.200.000 đồng. Trừ vào 8.200 000 đồng tiền hụi của bà Hồng D đưa cho bà M nên bà M còn giữ lại của bà Hồng D 7.000.000 đồng.

Ngày 15/9/2022 bà Hồng D có mượn bà M 10.000.000 đồng để làm vốn bán cá biển, trái cây và đồ hàng bông. Sau đó, bà Hồng D có trả dần, một lần 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và 2.500.000 đồng để trả tiền thợ sửa nhà trọ có lần đưa 300.000 đồng đến trước ngày 28/10/2022 là đã đưa trả bà cộng tất cả lại được 7.300.000 đồng. Đến ngày 28/10/2022, bà M có nhận 2.150.000 đồng của bà Trần Thị Mỹ L3 để đặt tôm mực đồ hàng bông của bà Hồng D nhưng bà M không có đưa cho bà Hồng D với lý do không có tiền để trả tiền chuyển trả tiền điện, nhà trọ nên bà M đã lấy 2.150.000 đồng đó để trừ vào tiền của bà Hồng D còn nợ của bà. Như vậy là 7.300.000 đồng cộng với 2.150.000 đồng, cho đến 28 tết cuối năm 2022 bà M có lấy 660.000 đồng của chị T1 ở nhà trọ thiếu tiền mua cá biển đồ hàng bông của bà Hồng D để trừ vào tiền vốn bà M đã cho bà Hồng D mượn để làm vốn bán và bà M có lấy 120.000 đồng tiền mua bưởi của bà Hồng D để ăn tết. Cộng tất cả những lần bà M lấy tiền của bà Hồng D là 10.230.000 đồng, trừ vào 10.000.000 đồng tiền vốn bà M đã bỏ ra cho bà Hồng D mượn.

Tổng số tiền cho mượn và các lần cầm vàng, lãnh nợ mua đồ nghề bán phở bà Trần Thị Hồng D còn nợ bà là 115.400.000 (một trăm mười lăm triệu bốn trăm ngàn) đồng.

Việc vay mượn nợ này giữa bà và bà Hồng D không có lập bất kỳ giấy nợ nào, bà chỉ có ghi âm, lập vi bằng đã cung cấp cho Tòa án. Đồng thời, có các ông Nguyễn Hoàng S2, bà Trần Thị Mỹ L3, bà Trần Phan Ngọc D3, bà Trần Phan Hạnh D1, bà Trần Nguyễn Phương L biết.

Do bà M phải trả nợ cho bà Hạnh D1 số tiền là 604.390.000 đồng đã được Tòa án giải quyết bằng Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS –ST ngày 07/3/2023 nên nay bà M khởi kiện buộc cá nhân bà Hồng D có nghĩa vụ hoàn trả tiền vay còn nợ là 115.400.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng) và yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay còn nợ là 12%/năm tạm tính từ tháng 8/2023 đến tháng 01/2024 với số tiền là 5.770.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Hồng D có lời trình bày tại hồ sơ như sau:

Bà Hồng D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà M. Bà Hồng D xác định hoàn toàn không có thỏa thuận vay tiền bà M số tiền 115.400.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng). Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Phan Hạnh D1 có lời trình bày tại hồ sơ như sau:

Ngày 13/9/2022, bà M có vay của bà Hạnh D1 số tiền là 604.390.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Việc vay tiền được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của bà M. Mục đích vay để bổ sung vốn làm ăn. Thời hạn trả 30/9/2023. Do hết thời hạn trả, bà M không trả nợ gốc cho bà nên bà đã nộp Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bến Lức và đã xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2023/DS-ST ngày 07/3/2023. Hiện nay, bà Hạnh D1 đã làm Đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, thì bà H D1 không biết gì về việc thỏa thuận vay tiền giữa bà M với bà Hồng D. Việc bà Hạnh D1 cho bà M vay nợ đã được Tòa án giải quyết. Vì vậy, bà Hạnh D1 không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 91, 91, 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Hồng D.

Bác toàn bộ yêu cầu của bà M yêu cầu bà D phải trả cho bà M số tiền là 115.400.000 đồng và tiền lãi là 5.770.000 đồng.

Về chi phí tống tụng xác minh là 1.200.000 đồng, bà M tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà M phải chịu 6.058.500 đồng khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 3.231.200 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010491 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí, bà M còn phải nộp tiếp là 2.827.300 đồng (hai triệu tám trăm hai mươi bảy ngàn ba trăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà M kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn bà M trình bày: Không đồng ý bản án sơ thẩm, chứng cứ yêu cầu bà D trả tiền là đoạn ghi âm có nội dung tại trang 07 của Vi bằng số 214/2023/ViB-TPL.LA ngày 15/6/2023 có nội dung bà D nói: "…để đóng lời phụ cho chứ giờ sao…". Ngoài ra tại cuộc ghi âm 252 19:38 0009:43 có nội dung "…mà giờ nó ra khai với bà M1 là bà nợ bà thiếu 110 triệu tiền ở đâu mà

trả, giờ nay lưng trâu ra làm mọi hả…". Ngoài ra, bà M không có chứng cứ nào khác, căn cứ vào lời nói của bà D thể hiện có thừa nhận trả tiền lãi là xác định có vay tiền còn nợ.

Bị đơn bà D trình bày: Bà xác định không có vay tiền hay mượn tài sản như bà M trình bày. Việc bà M ghi âm như thế nào và nội dung ghi âm bà D hoàn toàn không biết, bà D xác định không có nội dung nào thể hiện bà D có mượn tiền và tài sản của bà M 115.400.000 đồng. Không đồng ý kháng cáo của bà M.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn bà M kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà M không đồng ý án sơ thẩm vì căn cứ vào chứng cứ là Vi bằng số 214/2023/ViB-TPL.LA ngày 15/6/2023 có nội dung bà D nói để đóng lời phụ cho chứ giờ sao…". Ngoài ta tại cuộc ghi âm 252 19:38 0009:43 có nội dung "…mà giờ nó ra khai với bà M1 là bà nợ bà thiếu 110 triệu tiền ở đâu mà trả, giờ nay lưng trâu ra làm mọi hả …". Ngoài ra không có chứng cứ nào thể hiện bà D thừa nhận còn nợ tiền bà M. Tuy nhiên, đối với số tiền của bà L 2.000.000 đồng và tiền của ông S gửi trả bà M 2.000.000 đồng thì bà D thừa nhận có lấy khoản tiền này và đã trả lâu rồi nhưng bà D không có căn cứ chứng minh đã trả nên cần buộc bà D trả cho bà M số tiền này.

Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà M. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần Bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà M kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn bà M về toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà M yêu cầu bà D trả cho bà số tiền mượn nhiều lần, tiền gốc là 115.400.000 đồng (một trăm mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) và yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay còn nợ là 12%/năm tạm tính từ tháng 8/2023 đến tháng 01/2024 với số tiền là 5.770.000 đồng. Chứng cứ cung cấp là Vi bằng số 214/2023/ViB-TPL.LA do Văn phòng thừa phát lại lập ngày 15 tháng 6 năm 2023 có nội dung trích lược cuộc ghi âm nói chuyện giữa

bà M (N), bà Hồng D, bà Ngọc D3 (B) và cung cấp lời trình bày của người làm chứng là bà L1 là người thuê nhà trọ của bà M, tiền trọ, điện nước bà D3 hứa trả cho bà M; ngoài ra, trong thời gian giúp việc cho bà D3, bà M có mua đồ của bà Hạnh D1 số tiền 10.000.000 đồng, mua một cái bếp khò của ông S 1.500.000 đồng và mua 1 cái bếp ga của bà L2, tất cả do bà M trả tiền cho bà D1. Lời trình bày của ông S đã chuyển tiền nhà trọ cho bà Hạnh D1 2.000.000 đồng để trả cho bà M. Bà D1 không thừa nhận có mượn tiền như yêu cầu của bà M nên không đồng ý trả.

[3.1] Xét thấy chứng cứ nội dung vi bằng bà M cung cấp không thể hiện nội dung bà Hồng D có mượn bà M nhiều lần số tiền 115.400.000 đồng. Bà Hạnh D1 trình bày đối với phần tiền bà M còn nợ đã được Tòa án giải quyết, còn việc bà M sử dụng số tiền trên cho ai mượn lại thì bà Hạnh D1 hoàn toàn không biết, lời trình bày của người làm chứng trình bày việc mua đồ gia dụng cho bà D1 do bà M trả tiền, số tiền bà D1 nhận từ bà Hạnh D1 do ông S gửi trả là của bà M hay số tiền bà M trả cho bà L là nợ của bà D1 là không có căn cứ xác định đây là mối quan hệ vay mượn giữa bà M và bà D1. Số tiền vay bà M tranh chấp, thực tế giữa các bên không có chứng cứ việc giao nhận tiền, thỏa thuận vay mượn theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Nên án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của bà M không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của bà M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Lời đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An có căn cứ được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 91, 92, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Bác toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh M về việc khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hồng D phải trả cho bà M số tiền là 115.400.000 (một trăm

mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 5.770.000 (năm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

3. Về chi phí tống tụng xác minh là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn đồng), bà M tự nguyện chịu và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 6.058.500 đồng, khấu trừ 3.231.200 đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thanh M đã nộp theo Biên lai thu số 0010491 ngày 18/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí, bà Nguyễn Thị Thanh M còn phải nộp tiếp số tiền 2.827.300 (Hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0006893 ngày 17 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

6. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền